

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn ⁽¹⁾
				trưởng) của công trình có phần việc liên quan đến gói thầu này (khoản 3 Điều 86 và mục 7.1/7 Phụ lục VI Nghị định 175/2024/NĐ-CP). c) Chỉ dẫn khác - Thời điểm xác định năm kinh nghiệm tính từ ngày tốt nghiệp; - Trình độ và chuyển môn căn cứ kết quả ghi trên bằng tốt nghiệp hoặc tài liệu tương đương.

Ghi chú:

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Căn cứ vào quy mô, tính chất cụ thể của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu.

Nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu về việc có thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở đánh giá. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhà thầu được xếp thứ nhất và thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế tối đa hai lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại và bị đánh giá về uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị thi công chủ yếu không trung thực trong E-

HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Ô tô tự đổ - tải trọng $\geq 7,0T$	01 cái
2	Máy đào - dung tích gàu $\geq 0,8 m^3$	01 cái
3	Máy lu bánh thép - tải trọng 10-12T	01 cái
4	Máy trộn bê tông - dung tích $\geq 250L$	02 cái
5	Máy đầm cóc	02 cái
6	Máy hàn điện	02 cái

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không sử dụng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Đối với các vật tư, vật liệu: Cát, đá, xi măng, thép...	Có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cung cấp vật liệu của đơn vị cung cấp và nguồn cung cấp vật liệu trên có vị trí phù hợp, khả thi.	Đạt
	Không có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết cung cấp vật liệu của đơn vị cung cấp và các nguồn vật liệu trên không có vị trí phù hợp, không khả thi.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng các yêu cầu trên được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, giao thông, cấp nước, thoát nước, giao thông liên lạc trong quá trình thi công.	Có bản vẽ tổ chức mặt bằng thi công, thuyết minh giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không có bản vẽ tổ chức mặt bằng thi công, thuyết minh giải pháp kỹ thuật về tổ chức mặt bằng. Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình.	Không đạt

2.2. Biện pháp Thi công xây dựng các hạng mục theo từng công tác thi công chính nêu tại bảng tiên lượng mời thầu.	Có giải pháp kỹ thuật (gồm thuyết minh, bản vẽ biện pháp thi công) thi công hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công quy mô, giải pháp thiết kế và chỉ tiêu yêu cầu kỹ thuật, đúng theo tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, bất hợp lý và trái với quy mô, giải pháp thiết kế và yêu cầu kỹ thuật, các chỉ tiêu không đúng với tiến độ thi công, hiện trạng xây dựng công trình	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công việc theo bảng khối lượng mời thầu.	Có đề xuất về biện pháp, trình tự, công nghệ thi công đầy đủ, hợp lý, phù hợp với tiến độ thi công, đặc điểm và hiện trạng công trình xây dựng (thể hiện ở sơ đồ tổ chức công trường, bảng tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, bản vẽ tổng mặt bằng thi công, sử dụng nhiều biện pháp thi công cơ giới, ...).	Đạt
	Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ, hợp lý.	Không đạt
3.2. Biện pháp xử lý tình huống khi xảy ra sự cố.	Có nêu biện pháp xử lý tình huống khi xảy ra sự cố kỹ thuật trong quá trình thi công (như gặp thiên tai, bão lụt v.v...) đầy đủ, hợp lý.	Đạt
	Không nêu hoặc nêu nhưng không đầy đủ, hợp lý.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công: 10 tháng có tính đến điều kiện thời tiết kể từ	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 10 tháng có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 10 tháng .	Không đạt

ngày khởi công		
4.2. Tính phù hợp:		
a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất không đủ, không hợp lý hoặc không khả thi cho 2 nội dung a) và b).	Không đạt
4.3. Biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT	Có Biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không có Biểu đồ tiến độ thi công hoặc có Biểu đồ tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công các hạng mục thuộc gói thầu	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu, thiết bị vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
5.3. Đề xuất phòng thí nghiệm hiện trường.	Có đề xuất phòng thí nghiệm hiện trường của nhà thầu (hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị để bố trí phòng thí nghiệm hiện trường) với các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm đủ khả năng để thực hiện các phép thử (có Quyết định công nhận khả năng thực hiện các phép thử của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực).	Đạt

	Không thuộc các trường hợp nêu trên	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
7.2. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 3 năm (năm 2023, 2024, 2025) trở lại đây.	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu.	Đạt
	Có một hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu nhưng lại có một hợp đồng tương tự khác được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.	Chấp nhận được
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu và không có hợp đồng tương tự nào được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 7.1 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 7.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

8. Kết luận chung của mục 3: Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, ... và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp Nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, ... và 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính:

Sử dụng Phương pháp giá thấp nhất: Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không yêu cầu.